

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2021/HS-ST

Ngày 29 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Trữ và bà Đoàn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Chính - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 150/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Trần Quang C, sinh năm 1987 tại Hà Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/6/2011, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 25/7/2012, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 19/12/2016, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/12/2017; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/8/2021, chuyển tạm giam từ ngày 03/9/2021 đến nay; có mặt.

2. Lê Huy C1, sinh năm 1981 tại Hà Nam; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang P và bà Vũ Thị Q; vợ: Bùi Thị Quỳnh A; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn P, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nghiêm Vinh Q, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 7, đường L, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Th, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam vắng mặt.

3. Bà Tạ Thị Mai H, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 7, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 18/8/2021, Trần Quang C đi bộ đến công viên Nguyễn Khuyến thuộc phường H, thành phố P thấy anh Nguyễn Văn K đang nằm ngủ trên ghế đá trong công viên. C đi đến làm quen rồi rủ anh K đi ăn cơm trưa, anh K đồng ý. C điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát (viết tắt là BKS) 90B1-759.17 của anh K chở anh K đến quán C của chị Tạ Thị Mai H ở số nhà 263, đường N, tổ 4, phường T, thành phố P rồi gọi một suất cơm cho anh K ngồi ăn còn C lấy xe mô tô của anh K đi một lúc thì quay lại. Thấy anh K là người hiền lành, C liền nảy sinh ý định lừa anh K để chiếm đoạt tài sản. C bảo anh K cho mượn điện thoại gọi về nhà, anh K tin tưởng đưa chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Bee 3 bên trong có lắp một sim Mobifone số thuê bao 0779347025 cho C và bảo với C mật khẩu màn hình là 1234. C cầm chiếc điện thoại của anh K cho vào túi quần của mình rồi bảo anh K đi về. C bảo với anh K chở mình về nhà, anh K tin tưởng đồng ý, giao xe mô tô BKS 90B1-759.17 cho C điều khiển, C chở anh K đi đến trước cửa nhà số 25 đường D3, khu đô thị M thuộc tổ 13, phường T, thành phố P, C bảo anh K xuống xe đứng đợi để C đi lấy chìa khóa nhà. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô BKS 90B1-759.17 và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Bee 3 của anh K, C điều khiển xe đi về nhà tại tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P cất giấu và mở cốp xe mô tô thấy có 01 chiếc ví giả da màu nâu đen, bên trong có 01 căn cước công dân, 03 thẻ Ngân hàng gồm BIDV, Techcombank, MB Bank, 01 thẻ Viet Credit và 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Nguyễn Văn K.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 19/8/2021, C điều khiển xe mô tô BKS 90B1-759.17 đến cửa hàng sửa xe Q thuộc tổ 7, phường L, thành phố P do anh Nghiêm Vinh Q làm chủ, Cường gặp anh Q và bảo muốn bán chiếc xe mô tô trên. Anh Q không mua mà gọi điện thoại cho Lê Huy C đến mua. Khi Cường1 đến hỏi C về nguồn gốc chiếc xe thì C bảo là xe mua lại của hàng xóm cách đây hai năm và mới bị mất giấy tờ nhưng do đang thiếu nợ nên muốn bán với giá 2.500.000đ. C1 tiếp tục hỏi C giấy tờ tùy thân, C lấy ra căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn K, C1 nhìn C không giống người trong ảnh căn cước công dân thì biết chiếc xe mô tô này không phải xe chính chủ mà là do phạm tội mà có. C1 không hỏi thêm về nguồn gốc chiếc xe mô tô nữa mà đọc cho C viết giấy xác nhận sửa xe với giá 3.000.000đ rồi đưa cho C số tiền 2.500.000đ. Sau đó C1 gửi xe mô tô BKS 90B1-759.17 ở quán nhà anh Q. Đến 18 giờ cùng ngày C1 quay lại đưa cho anh Q số tiền 300.000đ rồi điều khiển xe đi về nhà. Để tránh bị phát hiện C1 đã tháo BKS 90B1-759.17 ra rồi lắp BKS 90H4-6504 vào xe mô tô vừa mua được.

Khoảng 17 giờ ngày 19/8/2021, C đi đến cửa hàng mua bán điện thoại H thuộc tổ 5, phường M, thành phố P của anh Nguyễn Thanh T để bán chiếc điện

thoại di động nhãn hiệu Vsmart Bee 3 và đọc mật khẩu màn hình 1234 cho anh T, anh T đồng ý mua với giá 400.000đ. C đã dùng số tiền bán các tài sản chiếm đoạt của anh K vào ngày 18/8/2021 để chi tiêu cá nhân, còn lại số tiền 450.000đ.

Ngày 19/8/2021 anh Nguyễn Văn K đến cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Phủ Lý trình báo sự việc.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ của Trần Quang C 01 ví giả da màu nâu đen, 03 thẻ ngân hàng gồm BIDV, Techcombank, MBBank, 01 thẻ Viet Credit, 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Nguyễn Văn K và số tiền 450.000đ. Thu giữ của Lê Huy C1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đỏ - đen gắn BKS 90H4-6504, 01 chiếc BKS 90B1-759.17, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen bên trong lắp 02 sim Viettel (số thuê bao 0383021981 và 0376563998). Thu giữ của anh Nguyễn Thanh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Bee 3, vỏ màu xanh dương, bên trong lắp 01 sim Mobifone (số thuê bao 0779347025).

Ngày 26/8/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Trần Quang C tại tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P nhưng không thu giữ đồ vật, tài sản gì liên quan đến vụ án.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 66 ngày 30/8/2021, Hội đồng định giá tài sản thành phố Phủ Lý kết luận: “01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn đen - đỏ, BKS 90B1-759.17, số khung RLHJA3113EY048515, số máy JA31E0088090, xe đã qua sử dụng giá 9.500.000đ (chín triệu năm trăm nghìn đồng); 01 chiếc điện thoại Vsmart Bee 3 vỏ ngoài bằng nhựa màu xanh, số IMEI 352705113830721 - 352705113820739 đã qua sử dụng giá 900.000đ (chín trăm nghìn đồng). 01 ví giả da màu nâu đen, kích thước 10 x 20cm, có ngăn khóa kéo, đã qua sử dụng giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 166/CT-VKS-PL ngày 03/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã truy tố Trần Quang C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự; truy tố Lê Huy C1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý trình bày luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như đã nêu trong bản cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 174, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Quang C từ 15 đến 18 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Áp dụng khoản 1 và khoản 5 Điều 323, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Huy C1 từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 1 đến 3 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Trần Quang C phải trả cho anh Nguyễn Thanh T số tiền 400.000đ.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc BKS 90H4-6504; tịch thu của Trần Quang C số tiền 450.000đ sung ngân sách nhà nước; truy thu đối với bị cáo Trần Quang C số tiền 2.050.000đ; trả lại cho bị cáo Lê Huy C1 01 điện thoại di động Nokia màu đen, bên trong có hai sim Viettel (số thuê bao 0383021981 và 0376563998).

- Tại phiên tòa các bị cáo Trần Quang C và Lê Huy C1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã nêu. Lời khai của các bị cáo đã được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản thu giữ vật chứng, sơ đồ hiện trường, bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích chiếm đoạt tài sản để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, lợi dụng sự tin tưởng của anh Nguyễn Văn K, bị cáo Trần Quang C đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của anh K là 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, BKS 90B1-759.17 trị giá 9.500.000đ, bên trong cốp xe có 01 ví giả da trị giá 50.000đ và một số giấy tờ của anh K, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Bee 3 trị giá 900.000đ vào ngày 18/8/2021, tại tổ 13, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 10.450.000đ. Sau khi chiếm đoạt các tài sản trên, đến ngày 19/8/2021 bị cáo Trần Quang C đã mang chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 90B1-759.17 đến tổ 7, phường L, thành phố P bán, bị cáo Lê Huy C1 không hứa hẹn trước và biết rõ xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 90B1-759.17 là do C phạm tội mà có nhưng vì mục đích lợi nhuận mà vẫn mua chiếc xe trên với giá 2.500.000đ. Hành vi của bị cáo Trần Quang C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Lê Huy C1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do

người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối các bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo Trần Quang C là người có nhân thân xấu, từ năm 2011 đến năm 2016 đã 03 lần bị xét xử đều về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Lê Huy C1 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Quang C và Lê Huy C1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Lê Huy C1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, có bác ruột là liệt sỹ, bị cáo đang nuôi con nhỏ và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Quang C và bị cáo Lê Huy C1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về hình phạt:

Hình phạt chính: Hành vi của các bị cáo Trần Quang C và Lê Huy C1 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Đối với bị cáo Trần Quang C đã nhiều lần bị xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học để sửa đổi bản thân, tu dưỡng rèn luyện trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội; chỉ vì muốn có tiền chi tiêu cá nhân mà bị cáo đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn K với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 10.450.000đ. Do vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với bị cáo Lê Huy C1 biết rõ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 90B1-759.17 là do Trần Quang C phạm tội mà có nhưng vì hám lợi nên đã mua chiếc xe trên với giá 2.500.000đ. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội, song xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo Trần Quang C không có công việc và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Đối với bị cáo Lê Huy C1 mặc dù biết chiếc xe mô tô BKS 90B1-759.17 là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn mua vì mục đích lợi nhuận, do vậy cần phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Song xét hoàn cảnh của bị cáo khó khăn nên chỉ cần phạt ở mức phù hợp, phạt bị cáo 1.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với anh Nguyễn Văn K đã nhận lại tài sản là 01 chiếc xe mô tô BKS 90B1-759.17, 01 chiếc điện thoại Vsmart Bee 3, 01 ví giả da và các giấy tờ do bị

cáo Trần Quang C đã chiếm đoạt. Anh không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền 45.000đ mà chị Tạ Thị Mai H đã bán cơm cho anh K mà bị cáo C nhận nợ vào trưa ngày 18/8/2021, anh K đã trả cho chị H số tiền trên, chị H không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với anh Nguyễn Thanh T là người đã mua chiếc điện thoại Vsmart Bee 3 của bị cáo C với giá 400.000đ, nhưng không biết là tài sản do C phạm tội mà có, anh T đã giao nộp chiếc điện thoại trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý để trả cho bị hại. Tại phiên tòa bị cáo C cũng nhất trí trả cho anh T số tiền trên; do vậy, cần buộc bị cáo C phải trả lại cho anh T số tiền 400.000đ là phù hợp với pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 90B1-759.17 mang tên ông Nguyễn Văn Th (là bố vợ của anh Nguyễn Văn K), ông Th đã cho anh K chiếc xe mô tô trên để làm phương tiện đi lại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Bee 3, có lắp sim Mobifone số thuê bao 0779347025; 01 ví giả da màu nâu đen; 03 thẻ ngân hàng gồm BIDV, Techcombank, MBBank; 01 thẻ Viet Credit, 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Nguyễn Văn K là tài sản, giấy tờ hợp pháp của anh K. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý đã trả lại cho anh K là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với 01 chiếc BKS 90H4-6504 mang tên chủ đăng ký là Phạm Thị H, địa chỉ: Xóm 14, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam đăng ký ngày 21/4/2008. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý phối hợp với Công an xã T, huyện K để xác minh nhưng không xác định được người có thông tin trên. Chiếc BKS nêu trên không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong có lắp 02 sim Viettel số thuê bao 0383021981 và 0376563998 là tài sản hợp pháp của bị cáo Lê Huy C1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Cương.

Đối với số tiền 2.500.000đ là tiền bị cáo Trần Quang C bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 90B1-759.17 mà có, bị cáo chi tiêu hết 2.050.000đ, còn 450.000đ cơ quan điều tra đã thu giữ. Xét thấy đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước 450.000đ và truy thu đối với bị cáo C số tiền 2.050.000đ sung ngân sách nhà nước.

[8] Về các tình tiết khác trong vụ án:

Đối với 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn K, bị cáo Trần Quang C khai đã làm mất, anh K không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với anh Nguyễn Thanh T là người mua điện thoại của Trần Quang C nhưng không biết đây là tài sản do C phạm tội mà có nên hành vi không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với anh Nghiêm Vinh Q là người giới thiệu cho Lê Huy C1 mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 90B1-759.17, anh Q không biết xe

mô tô trên do C phạm tội mà có nên không đồng phạm về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47, Điều 48, Điều 50 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự đối với bị cáo Trần Quang C.

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 323, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 35, Điều 47, Điều 50 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Huy C1.

Căn cứ các Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố: Bị cáo Trần Quang C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Lê Huy C1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2/ Xử phạt: Bị cáo Trần Quang C 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 25 tháng 8 năm 2021).

Bị cáo Lê Huy C1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Huy C1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3/ Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Huy C1: 1.000.000đ (một triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

4/ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Quang C phải trả cho anh Nguyễn Thanh T số tiền là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất của Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5/ Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc BKS 90H4-6504.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) mà cơ quan CSĐT đã thu giữ của bị cáo Trần Quang C. Truy thu đối với bị cáo Trần Quang C số tiền 2.050.000đ (hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) sung ngân sách nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Lê Huy C1: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong có lắp 02 sim nhà mạng Viettel, có số thuê bao 0383021981 và 0376563998.

Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam với Chi cục thi hành án dân sự, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam ngày 11/11/2021 và Ủy nhiệm chi số 84 ngày 12 tháng 11 năm 2021.

6/ Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Quang C và bị cáo Lê Huy C1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Quang C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSNN tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Phủ Lý;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Phủ Lý;
- Cơ quan THAHS có thẩm quyền;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân

